

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2020

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

2- Ông Bùi Minh Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 130/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thái B, sinh năm 1981 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Cao Văn H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thái B trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị B và anh Cao Văn H kết hôn với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 01/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thiếu chung thủy với chị lại có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi nhau làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa và vợ chồng đã ly thân với nhau đến nay gần 5 năm. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng

không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Cao Văn H.

Về con chung: Có 02 người con tên Cao Minh T, sinh ngày 16/02/2010 và Cao Minh T, sinh ngày 21/01/2014, từ khi ly thân cho đến nay chị chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu, cuộc sống của hai cháu vẫn ổn định và bản thân chị cũng có điều kiện nuôi con. Nay chị yêu cầu xin được nuôi hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Cao Văn H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Hòa vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị B.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thái B vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Cao Văn H vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thái B, xử cho chị Nguyễn Thị Thái B và anh Cao Văn H được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thái B là giao cháu Cao Minh T (theo nguyện vọng của cháu T) và Cao Minh T cho chị Bằng chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và phần nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thái B không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Cao Văn H được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Cao Văn H.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thái B và anh Cao Văn H kết hôn với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn ngày 01/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị B và anh H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, là do chị B thiếu tình tưởng nhau và nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường cự cãi với nhau và đã ly thân gần 5 năm (việc này được thể hiện tại biên bản xác minh ngày 18/6/2020 BL 26). Hơn nữa từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay bản thân anh chị và gia đình cha mẹ hai bên cũng không tự hòa giải được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B xử cho chị Nguyễn Thị Thái B và anh Cao Văn H ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thái B và anh Cao Văn H có 02 người con tên Cao Minh T, sinh ngày 16/02/2010 và Cao Minh T, sinh ngày 21/01/2014, chị B yêu cầu xin được nuôi 02 cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của chị B là có cơ sở. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay chị B chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu, cuộc sống của hai cháu vẫn ổn định và bản thân chị có điều kiện để nuôi con, hơn nữa cũng là theo nguyện vọng của cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị B, giao cháu Cao Minh T và Cao Minh T cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Chị B tự thỏa thuận mà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị B thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thái B phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thái B và anh Cao Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thái B là giao cháu Cao Minh T, sinh ngày 16/02/2010 và Cao Minh T, sinh ngày 21/01/2014 (theo nguyện vọng của cháu T) cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị B và anh H có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thái B tự thỏa thuận mà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thái B thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thái B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008578, ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị B đã nộp đủ tiền án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị B có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/8/2020). Đối với anh H vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây Yên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm